

STT	Nội dung	Vốn dự toán năm 2025				Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2025					Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6 năm 2025					Ghi chú				
		Tổng dự toán	Dự toán được kéo dài (nếu có)	Dự toán giao trong năm 2025		Tổng số	Thanh toán dự toán kéo dài			Thanh toán dự toán năm 2025			Tổng số	Trong đó						
				Dự toán Quốc hội/TTC P giao	Dự toán Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó	Tỷ lệ so với dự toán được kéo dài	Tổng số	Trong đó			Tỷ lệ so với dự toán năm	Thanh toán dự toán kéo dài		Tỷ lệ so với Dự toán kéo dài	Thanh toán dự toán năm	Tỷ lệ so với Dự toán năm	
Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi															
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+12	8=9+10	9	10	11=8/4	12	13	14	15=12/6	16	17	18=17/4	19	20=19/6	21
	TỔNG VỐN CTMTQG	650,849	274,855	-	375,994	-	-	-	-	-	146,400	146,400	-	40,331	449,925	258,275	93,97	191,650	50,97	
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	<i>10,000</i>	-	-	<i>10,000</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	<i>640,849</i>	<i>274,855</i>	-	<i>365,994</i>	-	-	-	-	-	<i>146,400</i>	<i>146,400</i>	-	<i>40,331</i>	<i>449,925</i>	<i>258,275</i>	<i>93,97</i>	<i>191,650</i>	<i>52,36</i>	
	+ Ngân sách tỉnh	577,849	214,855	-	362,994	-	-	-	-	-	146,400	146,400	-	40,331	389,925	198,275	92,28	191,650	52,80	
	+ Ngân sách huyện	63,000	60,000	-	3,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60,000	60,000	100,00	-	-	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																			
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	650,849	274,855	-	375,994	-	-	-	-	-	146,400	146,400	-	40,331	449,925	258,275	93,97	191,650	50,97	
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	<i>10,000</i>	-	-	<i>10,000</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	<i>640,849</i>	<i>274,855</i>	-	<i>365,994</i>	-	-	-	-	-	<i>146,400</i>	<i>146,400</i>	-	<i>40,331</i>	<i>449,925</i>	<i>258,275</i>	<i>93,97</i>	<i>191,650</i>	<i>52,36</i>	
	+ Ngân sách tỉnh	577,849	214,855	-	362,994	-	-	-	-	-	146,400	146,400	-	40,331	389,925	198,275	92,28	191,650	52,80	
	+ Ngân sách huyện	63,000	60,000	-	3,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60,000	60,000	100	-	-	
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.	461,269	258,275	-	202,994										299,925	258,275	100	41,650	20,52	
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	-			-										-					
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	461,269	258,275	-	202,994										299,925	258,275	100	41,650	20,52	
	+ Ngân sách tỉnh	401,269	198,275	-	202,994										239,925	198,275	100	41,650	20,52	
	+ Ngân sách huyện	60,000	60,000	-	-										60,000	60,000	100		-	
1.1	Nội dung 1: Quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021 - 2025	461,269	258,275		202,994										299,925	258,275	100	41,650	20,52	
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	-													-					
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	461,269	258,275		202,994										299,925	258,275	100	41,650	20,52	
	+ Ngân sách tỉnh	401,269	198,275		202,994										239,925	198,275	100	41,650	20,52	
	+ Ngân sách huyện	60,000	60,000												60,000	60,000	100			
2	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan thôn sáng-xanh-sạch-đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	150,																		

[illegible]